

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: 53-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 5 năm 1991

PHÁP LỆNH

Về khiếu nại, tố cáo của công dân

Để bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, tăng cường pháp chế, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân;

Căn cứ vào Điều 73 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định quyền khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

1- Công dân có quyền khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định hoặc việc làm trái pháp luật thuộc phạm vi quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước hoặc nhân viên Nhà nước, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Quyền khiếu nại của công dân đối với quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, dân sự, trọng tài kinh tế do pháp luật tố tụng hình sự, dân sự, trọng tài kinh tế quy định.

2- Công dân có quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, gọi chung là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức đó gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 2

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo quy định của pháp luật có trách nhiệm giải quyết kịp thời, khách quan khiếu nại, tố cáo của công dân; xử lý nghiêm minh người vi phạm, áp dụng các biện pháp cần thiết ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra, bảo đảm cho quyết định giải quyết được thi hành nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Khi cần thiết, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương cử đoàn kiểm tra để xem xét tình hình khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Điều 3

Khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phải tuân theo pháp luật.

Không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào việc khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 4

Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải được các cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng; cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Người bị thiệt hại được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm và được bồi thường. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gây thiệt hại phải xử lý và phải bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 5

Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Khiếu nại, tố cáo của công dân do cơ quan báo chí chuyển đến phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết và thông báo kết quả giải quyết theo quy định của Luật báo chí.

Cơ quan báo chí, nếu đăng hoặc phát sóng khiếu nại, tố cáo, thì phải bảo đảm tính trung thực và phải chịu trách nhiệm về việc đăng hoặc phát sóng đó.

Điều 6

Khiếu nại, tố cáo của công dân do đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển đến phải được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 7

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở, trả thù người khiếu nại, tố cáo, bao che người bị khiếu nại, tố cáo; kích động, cưỡng ép khiếu nại, tố cáo sai sự thật; lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống, gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Chương 2:

KHIẾU NẠI VÀ VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Mục 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI KHIẾU NẠI VÀ NGƯỜI BỊ KHIẾU NẠI

Điều 8

1- Người khiếu nại có quyền:

- a) Gửi đơn, trực tiếp trình bày hoặc thông qua người đại diện hợp pháp của mình để khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- b) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- c) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm và được bồi thường thiệt hại.

2- Người khiếu nại có nghĩa vụ trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu và chịu trách nhiệm về nội dung trình bày và thông tin, tài liệu đó.

Điều 9

1- Người bị khiếu nại có quyền:

- a) Đưa ra bằng chứng về tính hợp pháp của quyết định hoặc việc làm bị khiếu nại;
- b) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- c) Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét lại quyết định của cơ quan đã giải quyết.

2- Người bị khiếu nại có nghĩa vụ:

- a) Xem xét lại quyết định hoặc việc làm bị khiếu nại của mình và trả lời cho người khiếu nại bằng văn bản;
- b) Giải trình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu;
- c) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mục 2: THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 10

1- Khiếu nại đối với nhân viên mà nội dung liên quan đến trách nhiệm quản lý của cơ quan nào, thì thủ trưởng cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

2- Khiếu nại đối với quyết định hoặc việc làm của thủ trưởng cơ quan nào, thì thủ trưởng cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

Điều 11

Chánh thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có trách nhiệm giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã giải quyết, nhưng đương sự còn khiếu nại hoặc phát hiện có tình tiết mới hoặc việc giải quyết có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 12

Chánh thanh tra Sở có trách nhiệm giải quyết khiếu nại mà thủ trưởng cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của giám đốc Sở đã giải quyết, nhưng đương sự còn khiếu nại hoặc phát hiện có tình tiết mới hoặc việc giải quyết có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 13

Chánh thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, giám đốc Sở đã giải quyết lần đầu, nhưng đương sự còn khiếu nại hoặc phát hiện có tình tiết mới hoặc việc giải quyết có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

khi cần thiết, kháng nghị các quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh thanh tra Sở, Chánh thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 14

Chánh thanh tra Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan thuộc Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm giải quyết khiếu nại mà thủ trưởng cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan thuộc Hội đồng bộ trưởng đã giải quyết lần đầu, nhưng đương sự còn khiếu nại hoặc phát hiện có tình tiết mới hoặc việc giải quyết có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 15

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan thuộc Hội đồng bộ trưởng xem xét, ra quyết định về khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh thanh tra cùng cấp khi có kháng nghị của tổ chức thanh tra cấp trên trực tiếp hoặc phát hiện có tình tiết mới hoặc phát hiện việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Quyết định này là quyết định cuối cùng.

Điều 16

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan thuộc Hội đồng bộ trưởng, theo chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành giải quyết khiếu nại đối với quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan thuộc Hội đồng bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương mà nội dung thuộc quyền quản lý Nhà nước của Bộ hoặc ngành mình.

Điều 17

1- Tổng thanh tra Nhà nước xem xét và ra quyết định về khiếu nại đối với quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan thuộc Hội đồng bộ trưởng nói tại Điều 16 của Pháp lệnh này. Quyết định của Tổng thanh tra Nhà nước là quyết định cuối cùng.